

A.NỘI DUNG ÔN TẬP

Phần I. Đọc hiểu

- Bài 2: Những thế giới thơ.
- Bài 3: Lập luận trong văn bản nghị luận
- Bài 4: Yếu tố kì ảo trong truyện kể
- Bài 5: Tiếng cười của hài kịch.

Phần II. Viết

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ.
- Viết bài văn nghị luận văn học về vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

B. CẤU TRÚC ĐỀ: Đề bao gồm 2 phần:

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

- *Ngữ liệu:* Cho 01 đoạn trích/ văn bản thuộc 1 trong các văn bản sau: thơ, văn bản nghị luận, truyện, hài kịch (ngoài chương trình sách giáo khoa *Ngữ văn Kết nối 12*)
- *Hình thức:* 5 câu tự luận

Phần II. Viết (5,0 điểm)

- *Hình thức:* Tự luận
- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ
- Viết bài văn nghị luận văn học về vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

C. THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

D. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CỦA ĐỀ KIỂM TRA

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng %
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	5	2	15%	2	20%	1	15%	50%
2	Năng lực Viết	-Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ - Viết bài văn nghị luận văn học về vấn đề	1	5%		10%		35%		50%

		vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.					
Tỉ lệ %				20%	30%	50%	100 %
Tổng			6	100%			

E. BẢNG ĐẶC TẢ MINH HỌA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
I	Đọc hiểu	1. Một đoạn trích/ văn bản thơ hoặc truyện hoặc nghị luận hoặc hài kịch (ngoài chương trình sách giáo khoa <i>Ngữ văn Kết nối 12</i>)	✓ Nếu ngữ liệu là thơ *Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ/ đoạn trích - Nhận biết được bố cục, những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, được sử dụng trong bài thơ/đoạn trích - Nhận biết được nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình trong bài thơ/ đoạn trích - Nhận biết được vần, nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ/ đoạn trích *Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ/ đoạn trích - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của các yếu tố tượng trưng, siêu thực, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ/ đoạn trích	2 câu TL	2 câu TL	1 câu TL

			- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Nêu biểu hiện và ý nghĩa của phong cách lãng mạn trong bài thơ/ đoạn thơ Vận dụng: Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. ✓ Nếu ngữ liệu là văn nghị luận *Nhận biết: - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản. – Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. – Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản. *Thông hiểu: – Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản. – Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.			
--	--	--	---	--	--	--

			– Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản. – Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận. *Vận dụng: – Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. – Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản. -Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản. ✓ Nếu ngữ liệu là truyện *Nhận biết: -Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại. – Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại. – Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật. – Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. *Thông hiểu:			
--	--	--	---	--	--	--

			– Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết. – Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm. – Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật. – Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm. – Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản. – Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm *Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. – Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản. – Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. – So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. ✓ Nếu ngữ liệu là đoạn trích trong hài kịch Nhận biết:			
--	--	--	---	--	--	--

			- Nhận diện được cốt truyện, đề tài, chi tiết tiêu biểu trong hài kịch. - Chỉ ra được tình huống kịch, mâu thuẫn, xung đột và diễn biến xung đột kịch trong hài kịch. - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời nhân vật và hành động kịch trong hài kịch. - Chỉ ra được các thủ pháp trào phúng trong hài kịch. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của vở kịch. - Phân tích được vai trò, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật kịch thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, xung đột. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong vở kịch. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. - Đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện kể. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản kịch, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của vở kịch. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản.			
--	--	--	---	--	--	--

			- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.			
		2.Thực hành Tiếng Việt	Nhận biết: Phát hiện lỗi logic, câu mơ hồ hoặc cách sử dụng điển cố trong văn bản Thông hiểu: Cách sửa lỗi câu, giải thích điển cố			
II	Viết	Phương án 1. Viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ	PHƯƠNG ÁN 1 *Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. – Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. – Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. – Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. *Thông hiểu: – Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm. – Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. – Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. *Vận dụng:	1*	1*	1 câu TL

		– Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, với tuổi trẻ, xã hội. – Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. *Vận dụng cao: – Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. PHƯƠNG ÁN 2. Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả,... của đoạn trích/tác phẩm có vay mượn- cải biến- sáng tạo - Đảm bảo cấu trúc bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm. - Phân tích được: + Người sáng tác đã tiếp nhận/ vay mượn những yếu tố nào từ tác phẩm có trước, có những cải biến (về nội dung, về hình thức) và sáng tạo riêng như thế nào + Phân tích được tác động của những điều đó đến việc thể hiện thông điệp, tư tưởng... của tác giả. + So sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.			
--	--	---	--	--	--

			Vận dụng: - -Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm/ đoạn trích - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa, đóng góp của nội dung và hình thức tác phẩm nghệ thuật trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.			
--	--	--	---	--	--	--

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ

